TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/DS-PT
Ngày: 25/7/2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các thẩm phán: 1. Ông Điều Văn Hằng;

2. Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Trần Văn Nhiễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST, ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7152/2019/QĐ-PT, ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Thôn T Ô, xã T Tr, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1941 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1942. Nơi cư trú: Thôn T Ô, xã T Tr, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà M: Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn T Ô, xà T Tr, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.UBND huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Người dại diện theo pháp luật: Ông Nhữ Văn C - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hữu T - Chức vụ: Phó chủ tịch

UBND huyện T M và bà Đinh Thị H3 - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T M (Văn bản ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T M ngày 27/3/2019).

3.2.UBND xã T Tr, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Khương L1 - Chủ tịch UBND xã.

Địa chỉ:XãT Tr, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị M: Luật sư Vũ Văn Lợi và Nguyễn Đình Quyết - Công ty luật TNHH Hòa Lợi, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và lời trình bày có tại bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L đề nghị tòa án buộc ông Vũ Văn H trả lại gia đình ông bà diện tích khoảng hơn 20 m^2đất do ông H lấn chiếm chiều mặt đường thôn 1,4 m, chiều sâu hết đất 17,5 m và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T M cấp cho ông H số L 071150 ngày 10/12/2001 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà có ký hiệu L071705.

Ông B, bà L trình bày vào khoảng năm 1999 gia đình ông bà mua của ông Lê Văn Th một diện tích đất ao đã được ông Th san lấp có chiều mặt đường thôn là 13,5m, chiều sâu hết đất khoảng 18m đến19m với giá 11.000.000 đồng. Do khi mua đất ông có vay của ông Vũ Văn H 5.500.000đ (ông H là chú ruột), một năm sau ông H đòi tiền gia đình ông không có trả nên đã thống nhất với ông H là trả cho ông H bằng đất, chỉ nói miệng chỉ vị trí, không đo cụ thể khoảng 6m mặt đường và chiều sâu hết đất, ông H đã xây tường ngăn theo vị trí hai bên thống nhất, đến năm 2014 ông H dỡ bức tường đã xây và xây lấn sang đất của ông bà có chiều mặt đường l,4m. Gia đình ông có ý kiến không đồng ý với ông H thì ông H nói gia đình ông có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chiều mặt đường 7,7m nên đã xây sang đất của gia đình ông 1,4m mới đủ. Gia đình ông đã đề nghị UBND xã giải quyết nhiều lần không có kết quả nên làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhờ giải quyết buộc ông H trả lại đất.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L071150 ngày 10/12/2001 do UBND huyện T M cấp cho ông H, bà M và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà số L 071705 do diện tích đất của ông H thừa ra còn diện tích đất của gia đình ông bị thiếu, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông không biết, không ký giáp ranh nên ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai gia đình để làm thủ tục cấp lại để đảm bảo

quyền lợi cho gia đình ông.

Bị đơn ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M ủy quyền cho chị Vũ Thị H1 trình bày: Vào khoảng năm 1999 gia đình chị và gia đình ông B có mua chung ao đã san lấp của ông Lê Văn M và ông Lê Văn Th không đo dạc cụ thể chỉ xác định một chiều giáp đất nhà ông Kh, một chiều giáp đất bà X, chiều mặt đường, phía sau là ao của xã. Việc mua chung có lập văn bản, khi giao tiền cho ông B đi trả có ông Hưởng vừa là cháu vừa là cán bộ địa chính xã chứng kiến, theo đó mỗi người được 1/2 diện tích đất mua chung, (ông H, chị H1 không xuất trình được biên bản về việc mua chung đất).

Ngày 10/12/2001 gia đình chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 140m^2 (có chiều mặt đường 7,7m x 18,5m). Sau khi mua đất bố mẹ chị cho vợ chồng em gái chị là Lê Văn Th và Vũ Thị R ở đó được một thời gian thì hai người ly hôn không ở nữa, khoảng năm 2004 gia đình chị xây tường ngăn. Sau đó năm 2014 bố mẹ chị xây lại tường cho đủ diện tích chiều mặt đường.

Chị H1 xác định gia đình chị không lấn đất của gia đình ông B nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện đòi lại đất và không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện T M do ông Nguyễn Thanh Tịnh - Trưởng phòng TN&MT huyện được Chủ tịch huyện ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án trình bày: Căn cứ vào kết quả xét duyệt của Hội đồng tư vấn xã T Tr, tờ trình của UBND xã T Tr đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong xã, phòng TM&MT xem xét thẩm định báo cáo và trình UBND huyện ký Quyết định và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Trường hợp khởi kiện của ông Vũ Văn B cho rằng gia đình ông H lấn chiếm đất dẫn đến cấp giấy chứng nhận cho gia đình ông B và ông H chưa chính xác, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay UBND huyện không lưu giữ được hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ mà do UBND xã lưu giữ.

Ông Khương Văn Ly - chủ tịch UBND xã T Tr trình bày: Nguồn gốc thửa dất ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 394 trước đây là ao của tập thể do hộ dân chiếm dụng, thời điểm năm 1996 đăng ký trên sổ địa chính, sổ mục kê là ông Lê Văn Th. Thửa đất của gia đình ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là ao tập thể do hộ dân lấn chiếm, thời điểm năm 1996 trên bản dồ, sổ địa chính, sổ mục kê đăng ký tên ông Lê Văn M đều có diện tích 140m^2.Việc ông B, ông H có chung nhau mua đất của ông M, ông Th hay không hoặc do một ông mua rồi sau đó bán lại cho nhau UBND xã không nắm được mà chỉ căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công dân nên xã họp xét và đề nghị huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

hộ gia đình hai ông từ năm 2001. Ủy ban nhân dân xã xác định vào năm 2014 ông H đã xây tường ngăn ranh giới của hai bên. Năm 2014 gia đình ông H dỡ tường bao cũ xây tường mới lấn sang đất của ông B nên xảy ra tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đại diện UBND xã T Tr đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 18-5-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Áp dụng: Điều 26, 34, 37, 147, 357 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32, 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 115, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 98, 100 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí tòa án. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L.

- Buộc ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L là 27,2m^2 (theo đo đạc thực tế) có hướng Tây giáp đường thôn có chiều dài là DC = 1,41m; hướng Bắc giáp phần đất trống nhà ông B, bà L có chiều dài CH = 19,82m; hướng Nam giáp đất nhà ông H, bà M có chiều dài DG = 19,85m; hướng Đông giáp ao tập thể có chiều dài GH = l,33m (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M phải tháo dỡ bức tường xây năm 2014 để trả lại đất cho nhà ông B, bà L.

- Diện tích đất của hộ gia đình ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M sau khi trả lại đất cho gia đình ông B có hình EDGF có cạnh ED dài 6,22 m; cạnh DG dài 19,85m; cạnh GF dài 6,10 m; cạnh FE dài 20,48m (có sơ đồ kèm theo).

- Diện tích còn lại của gia đình ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L (có sơ đồ kèm theo).

- Hủy GCNQSD đất số L071150 ngày 10/12/2001 do Ủy ban nhân dân huyện T M cấp cho ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị M và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L071705 của ông Vũ Văn B,bà Nguyễn Thị L do Ủy ban nhân dân huyện T M cấp ngày 10/12/2001 đều có địa chỉ tại thôn T Ô, xã T Tr, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Sau khi bản án có hiệu lực ông Vũ Văn B, bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/5/2018, bị đơn ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 05/03/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương có quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 04/2019/QĐ-SCBSBA do có sự nhầm lẫn về số liệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng cần xác định nguyên đơn có quyền sử dụng hợp pháp đối với 27,2m^2 không. Theo xác nhận của địa chính xã thì xác định nguồn gốc đất là của Ủy ban nhân dân xã T Tr quản lý, do các hộ dân tự lấn chiếm chưa được hợp pháp hóa. Sổ mục kê, bản đồ năm 1996, thể hiện là đất ao chưa được hợp pháp hóa cho ông Th và ông M. Do đó, nguyên đơn thực hiện việc mua bán giao dịch với ông Th không đúng quy định pháp luật tại thời điểm giao dịch. Vì vậy, các hợp đồng mua bán là vô hiệu, việc thực hiện giao dịch không thể hiện hình thể của thửa đất, diện tích bao nhiêu mét vuông. Năm 2001, Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và bị đơn là lần hợp pháp hóa đất lần đầu tiên đối với những người sử dụng đất thực tế. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 27,2m^2 là không có cơ sở, vì nguyên đơn không phải là chủ sử dụng hợp pháp đối với đất trước thời điểm năm 2001. Nguyên đơn trình bày đã chuyển nhượng cho bị đơn 1 phần diện tích là 6m mặt đường chạy dài hết đất nhưng không có tài liệu chứng minh, không có tứ cận rõ ràng nên không thể chấp nhận lời khai của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã cung cấp tài liệu liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự nhưng Cơ quan có thẩm quyền xác nhận hiện không còn lưu giữ giấy tờ là không phù hợp quy định pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự do cấp không đúng trình tự thủ tục và không phù hợp loại đất không liên quan đến diện tích nguyên đơn đang đòi của bị đơn. Do không chấp nhận việc đòi 27,2m^2 nên bị đơn không có nghĩa vụ phải tháo dỡ công trình trên đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu, chứng cứ và phát biểu quan điểm: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T Tr thì thấy, nguồn gốc đất là đất ao tập thể do ông Th, ông M vượt lập lấn chiếm theo bản đồ năm 1996. Việc ông Th, ông M bán đất cho ông B, không liên quan gì đến ông H; năm 2001 ông B bán cho ông H 6m mặt đường chạy dài hết đất, ông H đã xây tường bao quanh đất ngay sau đó. Khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H đã phá tường cũ đi và xây tường mới vượt sang đất của ông B. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy, Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, lời khai của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông H cho rằng cùng chung tiền với ông B để mua đất của ông Lê Văn M và ông Lê Văn Th nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Bản án sơ thẩm xác định nguồn gốc đất mà gia đình ông B và ông H đang sử dụng và có tranh chấp là do ông B mua của ông Lê Văn Th năm 1999 là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của ông Th về việc ông thay mặt ông M bán đất cho ông B, không bán đất cho ông H, phù hợp với thể hiện tại sổ mục kê, sổ địa chính xã T Tr theo dõi thì diện tích đất ao của ông Lê Văn Th có số thửa 394 tờ bản dồ số 2 xã T Tr là 140 m^2, của ông Lê Văn M có số thửa 444 tờ bản đồ số 2 diện tích 140 m^2, nguyên bản là đất ao đã được ông Th và ông Lê Văn M sử dụng ao của tập thể nhưng đã được hợp pháp hóa và công nhận (theo lời trình bày của chủ tịch UBND xã T Tr tại bút lục số 76 và trình bày của ông Nguyễn Văn Ph cán bộ địa chính xã T Tr tại bút lục 108). Khi mua đất, ông B đã vay của ông H số tiền 5.500.000 đồng để trả cho ông Th (BL 121). Do không có tiền để trả cho ông H nên năm 2001 ông B đã cắt 6,2 mét đất mặt đường sâu hết đất để bán cho ông H. Sau đó ông H đã tự mình xây tường làm ranh giới giữa hai nhà và sử dụng cho đến năm 2014. Sự kiện ông H tự xây tường này thể hiện chính xác ý thức chủ quan của ông H trong việc sử dụng đất và phản ảnh lời khai của ông B về việc chỉ bán cho ông H khoảng 6 mét đất mặt đường sâu hết đất là có căn cứ. Năm 2014 ông H đã căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chiều mặt đường 7,7m để phá tường cũ xây tường mới sang đất của ông B cách mốc giới là bức tường ông H xây trước đây 1,4m, diện tích lấn sang nhà ông B là 27,2 m^2. Do đó, bản án sơ thẩm đã quyết định buộc ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M phải tháo dỡ bức tường xây về mốc giới cũ để trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L là 27,2m^2 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và quy định của Bộ luật Dân sự.

[2] Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông B bà L và gia đình ông H, bà M:

Bản án sơ thẩm xác định: Trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai hộ nói trên thì nguồn gốc là đất ao của ông Lê Văn Th và ông Lê Văn M đã bán cho ông Vũ Văn Bượi không tuân thủ các quy định, chưa làm thủ tục chuyển nhượng sang tên, sau đó ông B bán lại một phần đất cho ông H cũng không có thủ tục chuyển nhượng, sang tên, các đương sự và người bán là ông Th đều thừa nhận việc này. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định yêu cầu UBND xã T Tr và UBND huyện T M cung cấp tài liệu chứng cứ là hồ sơ xét duyệt, hồ sơ cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông H và ông B xong UBND xã T Tr và UBND huyện T M chỉ cung cấp được bản sao sổ mục kê, sổ địa chính và danh sách các hộ dân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi thực hiện các quy trình về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan địa chính không tiến hành kiểm tra xác định diện tích, các hộ liền kê ký giáp ranh từ đó xác định không đúng diện tích, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông H trùm lên đất của gia đình ông B. Mặt khác, cùng thửa đất ao mua của ông Th nhưng phần diện tích đất của ông H được xác định là đất ở còn phần diện tích đất của ông B lại xác định là đất trồng cây lâu năm là không phù hợp, không công bằng. Do đó bản án sơ thẩm đã quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 071150 ngày 10/12/2001 do UBND huyện T M cấp cho ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L071705 do UBND huyện T M cấp ngày 10/12/2001 cho ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L để tiến hành thực hiện đúng trình tự, kiểm tra xác định diện tích, ranh giới, loại đất ... của hộ gia đình ông H và hộ gia đình ông B theo quy định của pháp luật và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo quyền, lợi ích cho hộ gia đình ông H và hộ gia đình ông B là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M.

[4] Về án phí phúc thẩm dân sự: Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Do ông H và bà M là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho hai ông bà.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 18-5-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (đã đính chính) như sau:

Áp dụng: Điều 26, 34, 37, 147, 357 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32, 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 115, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 98, 100 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L.

- Buộc ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L là 27,2m^2 (theo đo đạc thực tế) có hướng Tây giáp đường thôn có chiều dài là DC = 1,41m; hướng Bắc giáp phần đất trống nhà ông B, bà L có chiều dài CH = 19,82m; hướng Nam giáp đất

nhà ông H, bà M có chiều dài DG = 19,85m; hướng Đông giáp ao tập thể có chiều dài GH = l,33m (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M phải tháo dỡ bức tường xây năm 2014 để trả lại đất cho nhà ông B, bà L.

- Diện tích đất của hộ gia đình ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M sau khi trả lại đất cho gia đình ông B có hình EDGF có cạnh ED dài 6,22 m; cạnh DG dài 19,85m; cạnh GF dài 6,16 m; cạnh FE dài 20,48m (có sơ đồ kèm theo).

- Diện tích còn lại của gia đình ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L (có sơ đồ kèm theo).

- Hủy GCNQSD đất số L071150 ngày 10/12/2001 do Ủy ban nhân dân huyện T M cấp cho ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị M và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtsố L071705 của ông Vũ Văn B, bà Nguyễn Thị L do Ủy ban nhân dân huyện T M cấp ngày 10/12/2001 đều có địa chỉ tại thôn T Ô, xã T Tr, huyện T M, tỉnh Hải Dương. Sau khi bản án có hiệu lực ông Vũ Văn B, bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn H, bà Vũ Thị M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí: Ông Vũ Văn B và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 400.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 007557 ngày 12/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T M, tỉnh Hải Dương. Ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện T M, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh